

01/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG SÀI GÒN – VŨNG TÀU – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 302/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 05 tháng 01 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	4	10°38'52.99"N	106°48'50.85"E
		10 ₃	10°38'55.03"N	106°48'48.72"E
		9 ₆	10°38'46.69"N	106°48'51.17"E
Xóa	Độ sâu	4 ₆	10°38'54.52"N	106°48'50.43"E
		7 ₄	10°38'52.55"N	106°48'49.93"E
		12 ₄	10°38'53.13"N	106°48'49.07"E
		8 ₃	10°38'47.41"N	106°48'51.04"E
		12 ₄	10°38'46.91"N	106°48'50.26"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 1, cập nhật Ngày 05 tháng 01 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	9 ₆	10°38'46.69"N	106°48'51.17"E
Xóa	Độ sâu	8 ₃	10°38'47.41"N	106°48'51.04"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS 84)

01/2022 - VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – SAI GON – VUNG TAU CHANNEL – Depth

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety Notice No.302/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4SG003 (Edition No. 2 updated on January 05th 2022)

Insert	Depth	4	10°38'52.99"N	106°48'50.85"E
		10 ₃	10°38'55.03"N	106°48'48.72"E
		9 ₆	10°38'46.69"N	106°48'51.17"E
Delete	Depth	4 ₆	10°38'54.52"N	106°48'50.43"E
		7 ₄	10°38'52.55"N	106°48'49.93"E
		12 ₄	10°38'53.13"N	106°48'49.07"E
		8 ₃	10°38'47.41"N	106°48'51.04"E
		12 ₄	10°38'46.91"N	106°48'50.26"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 1 updated on January 05th 2022)

Insert	Depth	9 ₆	10°38'46.69"N	106°48'51.17"E
Delete	Depth	8 ₃	10°38'47.41"N	106°48'51.04"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
